

## Giải pháp hoàn thiện chính sách nhằm nâng cao thu nhập đối với hộ nghèo tại huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau

Solutions to improve policies to increase income for poor households in Ngoc Hien district, Ca Mau province

Lê Văn Khoa<sup>1</sup>, Nguyễn Quyết Thắng<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Công ty TNHH MTV Co.opmart Cà Mau, Cà Mau

<sup>2</sup>Trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: Lê Văn Khoa, Email: levankhoavn@gmail.com

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng nghèo và phân tích tác động của các chính sách nhà nước đến thu nhập của hộ nghèo ở huyện Ngọc Hiến từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập đối với hộ nghèo tại huyện Ngọc Hiến. Sử dụng bộ số liệu thứ cấp về kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo các năm 2019, 2020 và 2021 trên địa bàn huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau; phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022. Bên cạnh đó, còn sử dụng số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách sử dụng dàn bài được soạn sẵn để thu thập ý kiến của 75 hộ nghèo ở các xã thuộc địa bàn nghiên cứu là 05 xã gồm: Tân Ân, Tân Ân Tây, Đất Mũi, Tam Giang Tây, Viên An. Phương pháp phân tích số liệu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp so sánh tương đối, tuyệt đối; thống kê mô tả. Tác giả đề xuất hàm ý chính sách nhằm nâng cao thu nhập đối với hộ nghèo tại huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau gồm: (i) Triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách; (ii) Nhân rộng các mô hình giảm nghèo; (iii) Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của hộ nghèo; (iv) Công tác giải quyết việc làm cần đáp ứng lĩnh vực xã hội có nhu cầu.

**Từ khóa:** Chính sách; Cà Mau; hộ nghèo; huyện Ngọc Hiến, thu nhập

**Abstract:** This study was conducted to assess the current situation of poverty and analyze the impact of state policies on the income of poor households in Ngoc Hien district, thereby proposing some solutions to increase income for poor households. poor in Ngoc Hien district. Using secondary data sets on the results of implementation of poverty reduction policies in 2019, 2020 and 2021 in Ngoc Hien district, Ca Mau province; orientations, planning tasks in 2022. In addition, primary data collected by using a prepared outline to collect opinions of 75 poor households in colonial communes and research are 05 communes including: Tan An, Tan An Tay, Dat Mui, Tam Giang Tay, Vien An. The data analysis method used in this study is the relative and absolute comparison method; Descriptive statistics. The author proposes policy implications to improve income for poor households in Ngoc Hien district, Ca Mau province, including: (i) Fully and timely implementation of policies; (ii) Scaling up poverty reduction models; (iii) Improve the efficiency of capital use of poor households; (iv) The job creation needs to meet the social needs.

**Keywords:** Ca Mau; Income; Ngoc Hien District; Policy; Poor households

### 1. Đặt vấn đề

Đói nghèo là một hiện tượng xã hội, bức xúc của mọi quốc gia trên thế giới và ngày càng thu hút sự chú ý của cộng đồng quốc tế trong việc tìm kiếm giải pháp xóa đói, giảm nghèo. Trên thế giới hiện có khoảng 1,2 tỷ người đang sống trong cảnh nghèo đói (Ngô Quốc Dũng, 2021) [1]. Vấn đề

nghèo đói không chỉ của của từng quốc gia mà nó trở thành vấn đề mang tính chất toàn cầu. Thành tựu giảm nghèo của Việt Nam trong thời gian qua được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên, số hộ thoát nghèo chỉ mới vượt qua chuẩn nghèo về thu nhập hoặc giảm bớt thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản, sau khi

vượt qua chuẩn nghèo phần lớn đều rơi vào diện cận nghèo, cần được tiếp tục trợ giúp và đây cũng là vấn đề mà các địa phương cần quan tâm hơn nữa trong việc triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo, đồng thời cũng cần nghiên cứu và đề ra nhiều hơn nữa các giải pháp khả thi để đảm bảo Chương trình được thực hiện có tính hiệu quả và bền vững. (Lê Thị Ngọc Yến, 2014) [2].

Ngọc Hiển, là huyện cực nam của Tổ quốc thuộc tỉnh Cà Mau, là địa phương của tuyến đường hành lang ven biển phía Nam, có điều kiện thuận lợi phát triển đa dạng các loại hình kinh tế về rừng, nuôi trồng thủy sản nước mặn, khai thác thủy sản và cung cấp dịch vụ hậu cần thủy sản. Với đặc thù là huyện cực nam của Tổ quốc, diện tích nuôi trồng thủy sản chiếm trên 32% diện tích tự nhiên, 98 km bờ biển trải theo ba phía Đông, Tây, Nam, với ngư trường biển rộng trên 15.000 km<sup>2</sup>, đa dạng chủng loại thủy sản có giá trị kinh tế cao, huyện Ngọc Hiển được biết đến như vùng đất “hứa” trong phát triển kinh tế thủy sản. Tuy nhiên, toàn huyện hiện còn 344 hộ nghèo chiếm 5,88% và 708 hộ cận nghèo chiếm 7,67% . Những năm gần đây, với việc triển khai hiệu quả các chương trình, chính sách đầu tư, hỗ trợ, tỉnh Cà Mau nói chung và huyện Ngọc Hiển nói riêng đã và đang có những đột phá mạnh mẽ trong công tác giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện đã giảm từ 7% năm 2017 xuống còn dưới 3% năm 2021 (UBND huyện Ngọc Hiển, 2022) [3].

Để phát triển kinh tế, tạo động lực để hộ nghèo, cận nghèo vươn lên cuộc sống huyện Ngọc Hiển đã khuyến khích bà con đa dạng các mô hình sản xuất, nuôi vọt, nuôi cua, sò huyết trong vuông tôm, nhờ đó sản lượng thủy sản tăng lên kéo theo

đời sống bà con có phần khởi sắc. Tuy nhiên, từ năm 2020 do ảnh hưởng Covid-19 dẫn đến đời sống người dân trên địa bàn huyện gặp rất nhiều khó khăn, nhất là giá cả các mặt hàng thủy hải sản sụt giảm, tình hình tiêu thụ các mặt hàng thủy sản trì trệ, việc đi lại buôn bán khó khăn làm ảnh hưởng mạnh đến thu nhập của bà con nhân dân. Với các lý do đó, tôi chọn nghiên cứu đề tài “Giải pháp hoàn thiện chính sách nhằm nâng cao thu nhập đối với hộ nghèo tại Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau”.

Xuất phát từ lý do trên, việc tiến hành nghiên cứu đề tài nhằm đánh giá thực trạng nghèo và phân tích tác động của các chính sách nhà nước đến thu nhập của hộ nghèo ở huyện Ngọc Hiển từ đó, đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập đối với hộ nghèo tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Mục tiêu nghiên cứu cụ thể:

- Mục tiêu 1: Phân tích hiện trạng chính sách giảm nghèo ở huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. Làm rõ tình hình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như đầu tư bằng ngân sách nhà nước trên địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Mục tiêu 2: Phân tích tác động của các chính sách nhà nước giai đoạn 2019 - 2021 đến thu nhập của hộ nghèo tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.
- Mục tiêu 3: Đề xuất một số chính sách nhằm nâng cao thu nhập đối với hộ nghèo tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

## **2. Cơ sở lý thuyết**

### **2.1. Cơ sở lý luận về thu nhập**

Theo từ điển kinh tế học của tác giả Phan Thúc Huân (2006) [5] thì thu nhập là khoản thu mà các nhân tố sản xuất nhận được như tiền lương, tiền công, phí và hoa hồng, lợi nhuận, tiền tô, lợi tức và lãi suất hay: thu nhập là các khoản lợi tức thu

được từ việc sở hữu và cung ứng các nhân tố sản xuất trong một thời kỳ. Các khoản lợi tức thu được từ lao động, tư bản, đất đai và năng lực kinh doanh là tiền lương, lãi suất, địa tô và lợi nhuận.

Hoàng Văn Phần (2005) [6] cho rằng: thu nhập có thể hiểu là cơ hội tiêu dùng và tiết kiệm mà một đối tượng có được trong một khung thời gian cụ thể. Với đối tượng là hộ gia đình và các nhân thì thu nhập là tổng của tiền lương, tiền công, lợi nhuận, tiền lãi, địa tô và những lợi tức khác mà họ có được trong một khoảng thời gian nhất định.

## 2.2. Cơ sở lý luận về nghèo

Theo World Bank (2020) [7] nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được đi khám, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa là dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn. Theo Phan Thúc Huân (2006) [5], nghèo là khái niệm để chỉ mức sống của một nhóm dân cư, một quốc gia so với mức sống của cộng đồng hay quốc gia khác. Nghèo không chỉ là vấn đề xã hội ở các nước đang phát triển mà mang tính chất toàn cầu. Bất kỳ quốc gia nào trên thế giới cũng tồn tại một bộ phận dân cư được coi là nghèo, tuy rằng mức nghèo đói ở mỗi quốc gia có khác nhau. Theo Nguyễn Trọng Hoài (2005) thì hộ nghèo là hộ gia đình có thu nhập thấp hơn so với số tiền cần có đủ để mua lương thực, thực phẩm và đồ dùng cần thiết để tồn tại, không đủ

khả năng tài chính để tự chủ tham gia sản xuất trong nền kinh tế, đảm bảo có cuộc sống đúng chuẩn mực [8].

## 2.3. Tác động của của chính sách đến việc nâng cao thu nhập đối với hộ nghèo

Theo tác giả Ngô Quốc Dũng (2021) [9] Có thể thấy, nghèo khổ là kết quả không chỉ của các hiện tượng kinh tế mà nó còn là kết quả của các hiện tượng xã hội và chính trị, cũng như các mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố kinh tế, xã hội và chính trị với nhau. Tổng hoà mối quan hệ giữa các yếu tố này đó là thể chế, yếu tố quan trọng góp phần giảm nghèo khổ ở các quốc gia. Thể chế ảnh hưởng đến nghèo khổ theo 2 “kênh truyền dẫn” cả trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một số yếu tố trung gian. Thể chế tác động đến các chính sách của chính phủ, từ đó ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập, sau đó ảnh hưởng đến giảm nghèo. Hay nói cách khác, thể chế tác động đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế và sau đó tăng trưởng kinh tế tác động đến nghèo khổ, đây là một “kênh truyền dẫn” gián tiếp thông qua yếu tố tăng trưởng và phân phối thu nhập. Bên cạnh đó, thể chế thông qua các khía cạnh thể chế chính thức và phi chính thức có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nghèo khổ (theo cả khía cạnh thu nhập và đa chiều).

## 3. Phương pháp thu thập số liệu

### 3.1. Số liệu thứ cấp

Số liệu thứ cấp về kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo các năm 2019, 2020 và 2021; phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2022 được thu thập từ nhiều nguồn như:

- Niên giám thống kê huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau năm 2021;
- Báo cáo tổng hợp hàng năm về kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo ở huyện Ngọc Hiển;

- Báo cáo tổng hợp hàng năm của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Ngọc Hiển;

- Các đề tài nghiên cứu khoa học, sách, tạp chí,...

### 3.2. Số liệu sơ cấp

Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách sử dụng dàn bài được soạn sẵn để thu thập ý kiến của các hộ nghèo ở các xã thuộc địa bàn nghiên cứu là 05 xã gồm: Tân Ân, Tân Ân Tây, Đất Mũi, Tam Giang Tây, Viên An. Bên cạnh đó, còn thu thập ý kiến của các Chuyên gia/Người am hiểu, phương pháp phỏng vấn sâu được áp dụng và thực hiện trên đối tượng là Cán bộ Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Tác giả tiến hành thu thập số liệu sơ cấp bằng cách sử dụng bảng câu hỏi phỏng vấn trực tiếp các hộ dân trên địa bàn nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Theo (Võ Thị Thanh Lộc, 2010) [4] khi tiến hành phân tích thống kê mô tả, một trong số những giả định là đảm bảo cỡ mẫu phải đủ lớn, cỡ mẫu lớn hơn 40 được định nghĩa là cỡ mẫu lớn cho mỗi nhóm và từ đó nhà nghiên cứu có thể suy rộng cho tổng thể đối với các nghiên cứu quy mô vừa và nhỏ. Tuy nhiên, để tránh trường hợp sai sót hoặc phiếu khảo sát không hợp lệ nên cỡ mẫu sẽ được chọn là 75 quan sát.

**Bảng 1.** Số quan sát của mẫu phỏng vấn

TT	Mẫu	Số quan sát
1	Tân Ân	15
2	Tân Ân Tây	15
3	Đất Mũi	15
4	Tam Giang Tây	15

5	Viên An	15
	<b>Tổng</b>	<b>75</b>

### 3.3. Phương pháp phân tích số liệu

Các phương pháp phân tích số liệu được sử dụng trong nghiên cứu là:

- Phân tích thống kê mô tả.
- Phương pháp phân tích tần số.
- Phương pháp phỏng vấn sâu Chuyên gia.

## 4. Kết quả nghiên cứu

### 4.1. Chính sách nâng cao thu nhập cho hộ nghèo trên địa bàn huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

#### 4.1.1. Về chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế cho hộ nghèo.

Trong những năm qua, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt giúp các hộ nghèo, cận nghèo và nhân dân trên địa bàn có điều kiện phát triển sản xuất ổn định cuộc sống, thực hiện tốt các chương trình, chính sách đầu tư vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, qua đó đời sống kinh tế - văn hóa, xã hội trên địa bàn huyện được cải thiện và nâng cao về mọi mặt.

Trên cơ sở Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 15/6/2017 của UBND tỉnh Cà Mau [10] về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 11/02/2020 của UBND tỉnh Cà Mau [11] về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2020 tỉnh Cà Mau, Phòng đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện Ngọc Hiển ban hành Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 12/4/2017

[12] về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Ngọc Hiến giai đoạn 2017-2020.

Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch giảm nghèo giai đoạn và hàng năm, đẩy mạnh triển khai thực hiện công tác nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, các chính sách, giải pháp đảm bảo an sinh xã hội để góp phần tăng thu nhập, cụ thể:

**Bảng 2.** Số lượng hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện Ngọc Hiến

STT	Các tiêu chí	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng (đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Hộ nghèo	605	8,27	543	7,22	344	5,88
2	Hộ cận nghèo	702	8,00	783	8,79	708	7,67

Nguồn: UBND huyện Ngọc Hiến (2022)

Công tác xóa đói giảm nghèo được các cấp các ngành quan tâm chỉ đạo bằng việc lồng ghép vào các chương trình dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Vận động quà tết: Từ năm 2019 đến nay huyện đã thực hiện vận động quà đón Tết Nguyên đán cho 16.588 lượt đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội, chính sách người có công, đối tượng yếu thế tại cộng đồng... với tổng số tiền 5.929.385.400 đồng, cụ thể như sau: Năm 2019 vận động 3.250 phần quà với tổng số tiền 1.165.525.000 đồng sang năm 2020 vận động 2.731 phần quà với tổng số tiền 1.101.030.000 đồng, đến năm 2021 vận động 4.230 phần quà với tổng số tiền 3.662.830.400 đồng.

Công tác xây dựng và sửa chữa nhà ở: Được sự quan tâm của các cấp, UBND huyện đã tổ chức vận động xây dựng mới

93 căn và sửa chữa 53 căn nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách có khó khăn về nhà ở với tổng số tiền 7.125.036.000 đồng, cụ thể: Năm 2019 hỗ trợ xây dựng 44 căn nhà đến năm 2020 hỗ trợ xây dựng 27 căn nhà và năm 2021 đã hỗ trợ xây dựng 22 căn nhà.

#### 4.1.2. Về chính sách bảo trợ xã hội

Thực hiện kế hoạch hàng năm của UBND huyện về tổ chức vận động, gây quỹ ủng hộ cho các đối tượng gặp hoàn cảnh khó khăn, các đối tượng được bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện Ngọc Hiến, trong những năm qua Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội đã tham mưu tốt cho UBND huyện công tác quản lý và trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

Các hoạt động Bảo trợ xã hội luôn được các ngành, các cấp quan tâm, tính đến nay trên địa bàn huyện có 125 đối tượng được hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng.

Hàng năm, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu UBND huyện tổ chức các hoạt động thiết thực cũng như thăm và tặng quà cho các đối tượng trẻ em mồ côi, người khuyết tật, người cao tuổi.... nhân các ngày người khuyết tật 18/4, ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6, Tết Trung thu, ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10.

#### 4.1.3. Về chính sách dạy nghề, lao động và việc làm

Trong những năm qua, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện đã phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và Chương trình xây dựng nông thôn mới. Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” [13],

huy động tối đa các nguồn lực, thực hiện việc lồng ghép với nhiều chương trình, dự án trong công tác giải quyết việc làm, hỗ trợ trực tiếp cho hộ vay vốn tín dụng, dạy nghề đã giúp cho nhiều lao động có việc làm mới, tự tạo việc làm cho bản thân họ, từ đó giảm tỷ lệ thất nghiệp tại địa phương. Tập trung giải quyết việc làm trên cơ sở mở rộng phát triển sản xuất, gắn giải quyết việc làm với đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội và doanh nghiệp nhằm đảm bảo lao động tìm kiếm việc làm ổn định.

4.1.4. Những thuận lợi và hạn chế của chính sách nâng cao thu nhập trên địa bàn huyện Ngọc Hiển

- Những thuận lợi:

+ Các chính sách tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập nhằm giúp cho người dân thoát nghèo bền vững được chú trọng, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ người nghèo như: Tín dụng ưu đãi; đào tạo nghề, giải quyết việc làm; hỗ trợ y tế; giáo dục; nhà ở.

+ Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình giảm nghèo các cấp chỉ đạo, điều hành có sự tập trung, thống nhất và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp giảm nghèo được đưa.

+ Các văn bản quản lý, điều hành đã ban hành đồng bộ, kịp thời tạo hành lang pháp lý riêng trong tổ chức triển khai thực hiện chương trình thuận lợi từ thành phố đến cơ sở, các nội dung văn bản được quy định cụ thể, rõ ràng dễ thực hiện.

+ Đã tranh thủ được các nguồn lực để thực hiện chương trình của huyện đề ra, đồng thời thực hiện tốt phong trào phát huy nội lực lao động sáng tạo trong quá trình thực hiện để đạt được các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Thực hiện có hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh đầu tư các công trình hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất,

các chương trình văn hoá - xã hội, giáo dục, y tế, dân số, vay vốn tạo việc làm, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo,... đã phát huy hiệu quả tích cực trong công tác hỗ trợ cho người dân tăng thu nhập.

+ Ban chỉ đạo các chương trình phát triển kinh tế của huyện, UBND các xã, thị trấn đã được kiện toàn, phân công các thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách, theo dõi, giúp đỡ hộ nghèo nâng cao thu nhập. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch giảm nghèo và thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

+ Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh, nhận thức của cán bộ, nhân dân đã được nâng lên, tạo cho các đoàn thể chính trị xã hội phát huy hết vai trò vận động nhân dân trong công tác giảm nghèo.

- Những hạn chế, khó khăn:

+ Mặc dù đã có nhiều cố gắng và đã đạt được những kết quả nhất định song, công tác thực hiện các chính sách nâng cao thu nhập cho người dân của huyện vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Ở một số địa phương, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác thực hiện các chính sách tạo việc làm, phát triển kinh tế, nâng cao nguồn thu cho các hộ nghèo, bản thân các hộ nghèo chưa thực sự có ý thức phấn đấu tự vươn lên để thoát nghèo, nhiều hộ còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng và bằng lòng với cuộc sống hiện tại, tái nghèo và phát sinh nghèo vẫn còn diễn ra. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững; Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác nâng cao thu nhập đã được các cấp, các ngành tích cực vào cuộc nhưng hiệu quả chưa cao.

+ Một số văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình của một số sở, ngành mang tính chung chung, chưa cụ thể gây khó khăn cho các địa phương trong thực hiện.

## 4.2. Đánh giá hiệu quả vay vốn tín dụng của hộ nghèo

### 4.2.1. Đặc điểm vay vốn của hộ

Trong tổng số 75 hộ nghèo được khảo sát ở Ngọc Hiền, có 36 hộ tham gia vay vốn tín dụng từ chương trình tín dụng vi mô dành cho hộ nghèo. Đặc điểm vay vốn của nhóm hộ này được mô tả ở Bảng 3.

**Bảng 3.** Thống kê mô tả về đặc điểm vay vốn

Chỉ tiêu	Quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Vốn vay TB (triệu đồng)	36	16,22	11,02	3	70
Lãi suất TB (%)	36	3,61	2,21	0,6	7,2
Kỳ hạn vay (năm)	36	2,13	1,43	0,5	5

Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát (2022)  
 Kết quả Bảng 3 cho thấy, tổng số tiền vay với giá trị nhỏ nhất là 3 triệu đồng/năm và lớn nhất là 70 triệu đồng/năm, tuy nhiên giá trị cao nhất này chiếm tỷ lệ rất ít. Cụ

thể hơn, số tiền vay trung bình của hộ là 16,22 triệu đồng/năm, với độ lệch chuẩn là 11,02 triệu đồng, điều này có nghĩa là đa số các hộ vay với số tiền vay khá nhỏ và số tiền vay này khá đều nhau ở các hộ. Do đặc điểm khảo sát thông tin vay vốn của hộ trong thời gian từ 2019 - 2021, đồng thời các hộ vay nhằm mục đích sản xuất và lượng tiền vay khác nhau nên lãi suất vay và kỳ hạn cũng khác nhau. Cụ thể, về lãi suất vay, hộ vay với mức lãi suất nhỏ nhất là 0,6%/năm, cao nhất là 7,2%/năm, và trung bình lãi vay là 3,61%/năm, bên cạnh đó, giá trị độ lệch chuẩn là 2,21 nhỏ hơn giá trị trung bình, điều này cho thấy, lãi suất vay trung bình khá nhỏ và đều nhau ở các gói cho vay. Đối với kỳ hạn vay, thời gian vay thấp nhất là 0,5 năm (06 tháng), cao nhất là 5 năm và thời gian vay trung bình của hộ là 2,13 năm, với độ lệch chuẩn khá nhỏ (1,43) tức là kỳ hạn vay của hộ khá ngắn và đều nhau.

### 4.2.2. Mục đích vay vốn của hộ

Dưới đây là những thông tin về mục đích vay vốn của hộ nghèo có vay vốn tín dụng trong ba năm, được thể hiện chi tiết ở Bảng 4 sau đây:

**Bảng 4.** Mục đích vay vốn qua từng năm

Mục đích	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Chăn nuôi	3	8,3	6	16,7	2	5,6
Sản xuất nông nghiệp	5	13,9	7	19,4	11	30,6
Buôn bán nhỏ	16	44,4	14	38,9	15	41,70
Tiểu thủ công	0	0,00	0	0	0	0,00
Giáo dục	0	0,00	0	0	0	0,00
Khác	12	33,3	9	25,0	8	22,2
<b>Tổng</b>	<b>36</b>	<b>100,00</b>	<b>36</b>	<b>100,00</b>	<b>36</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát (2022)

Theo Bảng 4 cho thấy, năm 2019 trong tổng số 36 hộ có vay vốn thì hộ vay với mục đích phục vụ cho sản xuất nông nghiệp có 5 hộ chiếm tỷ lệ là 13,9%; phục vụ cho chăn nuôi có 3 hộ và chiếm tỷ lệ là 8,3%; phục vụ cho buôn bán nhỏ có 16 hộ chiếm tỷ lệ 44,4%; và còn lại có 12 hộ vay vốn phục vụ cho mục đích khác chiếm tỷ lệ 33,3%. Như vậy, không có hộ nào vay vốn phục vụ cho mục đích tiêu thụ công và giáo dục.

Theo Bảng 4 ta thấy, trong tổng số có 36 hộ vay vào năm 2020, với mục đích vay vốn của hộ nghèo được thể hiện như sau: Trong tổng số 36 hộ có vay vốn thì có 7 hộ vay vốn phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ 19,4%; có 6 hộ vay vốn phục vụ cho chăn nuôi chiếm tỷ lệ 16,7%; có 14 hộ vay vốn chiếm tỷ lệ 38,9% phục vụ cho mục đích buôn bán nhỏ; và còn lại có 9 hộ chiếm tỷ lệ 25,0% vay vốn nhằm phục vụ cho mục đích khác.

Bên cạnh đó, theo Bảng 4 ta thấy trong tổng số 36 hộ nghèo vay vốn vào năm 2021, với mục đích vay vốn của những hộ được thể hiện như sau: có 11 hộ chiếm tỷ lệ 30,6% vay vốn nhằm phục vụ cho mục đích sản xuất nông nghiệp; với mục đích chăn nuôi chỉ có 2 hộ chiếm tỷ lệ là 5,6%; và có 15 hộ vay vốn với mục đích buôn bán nhỏ chiếm tỷ lệ 41,70%; còn lại có 8 hộ chiếm tỷ lệ 22,2% vay vốn với mục đích khác.

Nhìn chung ta thấy, qua ba năm số hộ nghèo vay vốn nhằm phục vụ cho mục đích buôn bán nhỏ chiếm đa số. Ngoài ra, số hộ vay vốn phục vụ cho mục đích chăn nuôi chiếm tỷ lệ thấp nhất, nguyên nhân có thể do phần lớn các hộ nghèo có diện tích đất sản xuất rất ít hoặc không có, vì vậy các hộ không có nhu cầu vốn trong chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp.

#### 4.2.3. Đánh giá tác động của việc vay vốn của hộ nghèo

Sau đây là thông tin về đánh giá có tác động hay không sau khi vay vốn tín dụng của hộ nghèo trên địa bàn huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, được thể hiện qua Bảng 5 sau:

**Bảng 5.** Đánh giá tác động của việc vay vốn của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Tác động		Tổng	
	Không	Có		
Vay vốn	Không	39	0	39
	Có	7	29	36
<b>Tổng</b>		46	29	75

Nguồn: Xử lý số liệu khảo sát (2022)

Theo Bảng 5 ta thấy, trong số 36 hộ nghèo có vay vốn tín dụng chỉ có 7 hộ chiếm 19,44% đánh giá là chương trình tín dụng vì mô không tác động đến đời sống của hộ; có đến 81 hộ đánh giá là có tác động đến đời sống của họ và chiếm tỷ lệ 80,56%. Như vậy, phần lớn các hộ vay vốn từ chương trình tín dụng đánh giá có tác động đến đời sống của hộ. Những thông tin tiếp theo cho ta thấy, những hộ nghèo có vay vốn đánh giá tác động cụ thể về chương trình tín dụng đến đời sống của hộ, được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 6.** Những tác động của tín dụng đến hộ nghèo

Chỉ tiêu	Tần suất	Tỷ lệ (%)	
Tăng chi tiêu	Không	5	13,89
	Có	31	86,11
<b>Tổng</b>		<b>36</b>	<b>100,00</b>
Tạo thêm việc, thu nhập	Không	7	19,45
	Có	29	80,55
<b>Tổng</b>		<b>36</b>	<b>100,00</b>
Cải thiện đời sống	Không	6	16,67
	Có	30	83,33
<b>Tổng</b>		<b>36</b>	<b>100,00</b>



Ảnh hưởng xấu	Không	27	75,00
	Có	9	25,00
<b>Tổng</b>		<b>36</b>	<b>100,00</b>
Tác động khác	Không	1	2,80
	Có	35	97,22
<b>Tổng</b>		<b>36</b>	<b>100,00</b>

Theo Bảng 6 cho thấy, trong 36 hộ đánh giá chương trình tín dụng tác động đến đời sống của hộ nghèo tại huyện Ngọc Hiển được thể hiện cụ thể như sau: có 5 hộ chiếm tỷ lệ 13,89% đánh giá không làm tăng chi tiêu cho hộ; còn lại 31 hộ chiếm 86,11% đánh giá làm tăng chi tiêu cho hộ. Bên cạnh đó, có 7 hộ đánh giá là chương trình tín dụng vì mô không góp phần giúp cho việc tạo thêm việc làm, thu nhập đáng kể cho hộ và chiếm tỷ lệ là 19,45%; khi đó 29 hộ còn lại đánh giá ảnh hưởng chiếm tỷ lệ là 80,55%. Thêm vào đó, đối với đánh giá không làm Cải thiện đời sống của hộ nghèo sau khi vay vốn tín dụng từ chương trình có 6 hộ chiếm 16,67%.; còn lại 30 hộ cho rằng có tác động chiếm tỷ lệ 83,33%. Tuy nhiên, có đến 27 hộ chiếm 75,00% cho rằng sau khi vay vốn từ chương trình tín dụng không làm ảnh hưởng xấu và trả được nợ; còn lại 9 hộ cho rằng ảnh hưởng xấu và chiếm tỷ lệ 25, 0%. Mặt khác, chỉ có 1 hộ đánh giá vay vốn từ chương trình tín dụng không có ảnh hưởng khác đến đời sống của hộ chiếm tỷ lệ là 2,80%; khi đó có đến 35 hộ chiếm tỷ lệ 97,22% cho rằng có nhiều ảnh hưởng khác nữa đối với đời sống và thu nhập của hộ sau khi vay vốn tín dụng dành cho hộ nghèo do Nhà nước hỗ trợ.

#### 4.2.4. Thực trạng việc hỗ trợ sau khi vay vốn

Sau đây là những thông tin đánh giá của hộ về việc cán bộ của tổ chức cho vay có tiến hành kiểm tra trong quá trình vay vốn và nhận được hỗ trợ sau khi vay vốn đối với các hộ nghèo trên địa bàn huyện Ngọc

Hiển, tỉnh Cà Mau được hưởng chính sách vay vốn tín dụng hỗ trợ người nghèo của Nhà nước.

**Bảng 7.** Kiểm tra vay vốn và nhận được hỗ trợ sau khi vay

Chỉ tiêu	Tần suất	Tỷ lệ (%)	
Kiểm tra	Có	30	83,33
	Không	6	16,67
<b>Tổng</b>		<b>36</b>	<b>100,00</b>
Hỗ trợ	Có	10	27,78
	Không	26	72,22
<b>Tổng</b>		<b>36</b>	<b>100,00</b>

Bảng 7 cho thấy, về việc kiểm tra của các cán bộ tín dụng sau khi cho các hộ nghèo vay vốn được đánh giá như sau: có 30 hộ nghèo đánh giá có sự kiểm tra của cán bộ thuộc tổ chức tín dụng kiểm tra vốn sau khi cho vay chiếm tỷ lệ 83,33%; còn lại 6 hộ đánh giá không có sự kiểm tra của cán bộ tín dụng và chiếm tỷ lệ 16,67%. Điều này chứng tỏ, phần lớn các hộ nghèo vay vốn tín dụng từ chương trình tín dụng cho hộ nghèo đều được cán bộ của tổ chức cho vay kiểm tra chặt chẽ đồng vốn sau khi hộ nghèo vay vốn. Bên cạnh đó, đối với việc hỗ trợ sau khi vay vốn được các hộ nghèo đánh giá khá thấp, cụ thể hơn là chỉ có 10 hộ chiếm tỷ lệ 27,78% đánh giá có nhận được hỗ trợ sau khi vay vốn; còn có đến 26 hộ đánh giá không nhận được sự hỗ trợ nào từ các tổ chức cho hộ nghèo vay vốn và chiếm tỷ lệ 72,22%. Qua đó ta có thể thấy rằng, phần lớn các hộ nghèo sau khi vay vốn chỉ nhận được sự kiểm tra về tín dụng một cách chặt chẽ nhưng thiếu sự hỗ trợ từ các tổ chức cho vay vốn.

#### 5. Đánh giá tác động của chương trình đào tạo nghề cho lao động

Việc thực hiện chính sách dạy nghề cho người lao động nông thôn tại Cà Mau theo quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng

Chính phủ đã được Sở LĐTBXH triển khai từ năm 2010, Chương trình này được đưa vào tất cả Trung tâm dạy nghề của tỉnh. Để xây dựng chương trình đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu người lao động tại chỗ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau đã tổ chức hai cuộc điều tra xã hội học về nhu cầu học nghề của người lao động ở nông thôn nhằm xác định nhu cầu sử dụng lao động đã qua đào tạo nghề, nhu cầu về học nghề, ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội cho lao động nông thôn.

Giai đoạn 2019 - 2021 theo đề án 1956 Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Ngọc Hiển là đã đào tạo được 1.380, cụ thể:

- Năm 2019: Đã đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn được 390/370 lao động, đạt 105,4%.

- Năm 2020: Đã đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn được 525/370 lao động, đạt 141,89%.

- Năm 2021: Đã đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn được 465/462 lao động, đạt 100,65%.

Nghị quyết HĐND huyện giao giai đoạn 2016 - 2021 đào tạo nghề cho 1.500 lao động, đến hết năm 2020 đã đào tạo được 1.770 lao động, đạt 118% so với Nghị quyết. Dự kiến năm 2021 đào tạo được 465 lao động, đạt 143% so với Nghị quyết giao.

Trong đó có 37,5% là ngành nghề trong lĩnh vực nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nhằm giúp họ tự phát triển các ngành nghề nông nghiệp gia đình sẵn có. Đặc biệt, chương trình đào tạo nghề chú ý đến các thành phần dễ tổn thương trong xã hội như tạo nghề cho nữ (27,4%), cho người dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng hay người lao động thuộc diện hộ nghèo (49,9% thuộc

đối tượng người hưởng chính sách ưu đãi). Ngoài việc đào tạo lao động nông nghiệp để tự phát triển trên nền đất gia đình hộ nông nghiệp việc đào tạo nghề phi nông nghiệp mới là chủ yếu, phần lao động đào tạo nghề ngoài nông nghiệp chiếm 62,5%, đa phần là các ngành nghề kỹ thuật, may công nghiệp, trong các ngành nghề này thì đa phần là lao động nữ (55,2%), thành phần lao động thuộc diện chính sách, người dân tộc hoặc lao động thuộc hộ nghèo chiếm đa số (49,9%) cho thấy chủ trương đào tạo nghề, hỗ trợ người lao động trong diện ưu tiên để họ kiếm việc hoặc tự tạo việc làm, ổn định đời sống người dân đã được các ngành chức năng trên địa bàn tỉnh huyện Ngọc Hiển nói riêng rất quan tâm.

**Bảng 8.** Số lao động nông thôn được đào tạo ngành nghề từ 2016-2021

Ngành Nghề	Tổng số lao động	Tỷ lệ nữ (%)	Đối tượng 1 (%)	Đối tượng 2 (%)	Đối tượng 3 (%)
Nông nghiệp	974	27,4	49,8	20,0	30,2
Trồng trọt		13,4	43,1	17,1	39,8
Chăn nuôi		42,7	53,4	21,7	24,9
Thủy Sản		12,2	64,1	24,7	11,2
Phi nông nghiệp	1.261	55,2	43,2	26,4	30,4
Ngành nghề kỹ thuật		6,5	35,1	16,7	48,2
Tiểu thủ công nghiệp		73,3	49,7	27,2	23,1
May CN, Dân dụng		71,1	33,1	45,4	21,5
Kế toán DN		78,8	10,6	17,1	7,2

Tổng số	2.235
---------	-------

Nguồn: UBND huyện Ngọc Hiến (2022)

Ghi chú: Đối tượng 1: Người hưởng chính sách ưu đãi, có công cách mạng, dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ bị thu hồi đất; Đối tượng 2: Người thuộc hộ nghèo; Đối tượng 3: Lao động nông thôn khác.

Sau đào tạo, 66,7% nhóm học nông nghiệp có việc làm, trong đó tỷ lệ tham gia vào ngành chăn nuôi cao nhất 73,1%. Đáng chú ý là các ngành nghề phi nông nghiệp đạt tỷ lệ có việc làm khá cao (85,2%), như ngành tiểu thủ công nghiệp có việc làm sau khi đào tạo tới 91,6%, tỷ lệ người có việc làm sau khi học nghề may công nghiệp và may dân dụng tới 84,0%. Điểm đặc biệt chú ý là sau khi được đào tạo ngành nghề phi nông nghiệp thì đa phần người lao động trong lĩnh vực này lại là các người tự tạo việc làm cho mình là chủ yếu (83,8%), trong đó đáng kể khoảng 0,5% số lao động sau khi thành nghề đã tự tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã hay doanh nghiệp.

**Bảng 9.** Số Lao động đã qua đào tạo được tuyển dụng từ 2016-2021

Ngành nghề	Tổng số	Tỷ lệ người có việc làm (%)
Nông nghiệp	974	67.6
Trồng trọt		65.3
Chăn nuôi		73.1
Thủy Sản		49.5
Phi nông nghiệp	1.261	85.2
Ngành nghề kỹ thuật		72.2
Tiểu thủ CN		91.6
May CN, Dân dụng		84
Kế toán DN		72.9
Tổng số	<b>2.235</b>	78.34

Nguồn: UBND huyện Ngọc Hiến (2022)

Đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn năm 2021, trong năm 2021 thông tin từ Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện cho thấy lao động nông thôn được đào tạo theo đề án 1956 thuộc ngân sách nhà nước bao gồm 61 lớp trình độ sơ cấp nghề và các nghề cơ bản dạy dưới 3 tháng. Ngành nông nghiệp có các nghề như Chăn nuôi thú y, Trồng trọt, Nuôi trồng thủy sản, Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh... Các nghề thuộc ngành phi nông nghiệp được chú trọng như: May công nghiệp và may dân dụng, Kỹ thuật xây dựng, Sửa máy vi tính, Bảo mẫu, sửa chữa xe gắn máy, sửa chữa máy nổ nông nghiệp, Điện dân dụng... Ngoài ra các DN, các cơ sở giáo dục cũng có tham gia dạy nghề. Đặc biệt do nhu cầu ngành nghề riêng từng doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Để có thể đào tạo tay nghề cao hơn, Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Ngọc Hiến thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Cà Mau phải liên kết đào tạo với Trường Cao Đẳng Cộng đồng Cà Mau hay trường Trung cấp nghề Cà Mau. Tổng số lao động được đào tạo nghề theo phương thức này năm 2021 là 35 người.

## **6. Hạn chế và nguyên nhân công tác thực hiện các chính sách nâng cao thu nhập cho người dân của huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau**

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp ở một số công tác có liên quan, ở một số cấp ủy đảng có lúc chưa thường xuyên và đầy đủ, nhất là việc lồng ghép Chương trình giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập với các chương trình, mục tiêu khác còn nhiều mặt hạn chế, chưa cụ thể. Việc sơ kết, đánh giá từng chương trình trong quá trình thực hiện còn ít, những mô hình, điển hình tốt trong thực hiện công tác nâng cao thu nhập để giảm nghèo thiếu được phát huy, nhân rộng.

Kết quả giải quyết việc làm, tạo việc làm đạt tỷ lệ cao nhưng chưa ổn định, người lao động thường xuyên thay đổi công việc, nơi làm việc nhất là lao động làm việc trong các doanh nghiệp; nhu cầu tuyển lao động của các doanh nghiệp nhiều nhưng đòi hỏi cao về tay nghề và kinh nghiệm.

Công tác quản lý, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại một số ấp của huyện Ngọc Hiển còn chậm, chưa chặt chẽ, có nơi thực hiện thiếu chính xác. Thu nhập của một bộ phận dân cư còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao đặc biệt là các xã khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số; sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tại một số khu vực thiếu bền vững. Ngoài ra, còn một bộ phận người dân chưa thật sự chú ý làm ăn, chậm đổi mới tập quán, tác phong lao động sản xuất; còn tâm lý trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng; ý thức và quyết tâm vươn lên khá giả còn thấp.

## **7. Đề xuất một số chính sách nhằm nâng cao thu nhập đối với hộ nghèo tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau**

### **7.1. Triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách**

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chỉ đạo, điều hành của chính quyền, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền vững mạnh, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; Thực hiện tốt các chính sách, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn, đẩy mạnh giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956 của Chính phủ, đặc biệt quan tâm đào tạo lao động có kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là chính sách trợ cấp xã hội cho người nghèo thường xuyên và đột xuất, chính sách hỗ trợ người nghèo, cận nghèo về nhà ở, giáo dục, y tế, văn hóa, pháp lý, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công ích khác.

- Công tác vận động, tuyên truyền, đào tạo cán bộ thực hiện chính sách nâng cao thu nhập cho người dân đôi lúc chưa được quan tâm thực hiện, vẫn còn tình trạng hộ gia đình nghèo, người nghèo còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, công tác tuyên truyền các chính sách về việc làm nhằm thay đổi nhận thức của một bộ phận nhân dân về lao động việc làm vẫn chưa sâu sát đến đối tượng cần hỗ trợ.

- Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa cho chính sách an sinh xã hội, nâng cao thu nhập cho hộ nghèo, trợ giúp tạo điều kiện cho hộ nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo còn hạn chế, đặc biệt thiếu các kiến thức sản xuất, tiếp cận thông tin thị trường và ý thức tiết kiệm trong đời sống của mỗi hộ gia đình, từ đó làm cho các chính sách giảm nghèo khó bền vững.

- Một số tiêu chí tuy đã đạt nhưng chất lượng chưa cao, chưa thật sự bền vững so với tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025, đặc biệt là trong giai đoạn 2021 - 2025, một số tiêu chí sẽ được đánh giá và nâng cao hơn so với giai đoạn 2016 - 2020 dẫn đến một số tiêu chí, chỉ tiêu không đạt hoặc chỉ đạt thấp.

- Sự quan tâm thực hiện công tác tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân ở một số xã đôi lúc còn chưa sâu sát, chưa thường xuyên và chặt chẽ; các chính sách thực thi đôi lúc còn khó tiếp cận; Công tác phối hợp giữa các cấp trong triển khai trong thực hiện Chương trình đôi lúc chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ làm

ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình.

## **7.2. Nhân rộng mô hình sản xuất giỏi**

- Chủ động xây dựng và nhân rộng các mô hình tạo sinh kế/giảm nghèo hiệu quả, phấn đấu các xã, thị trấn đều có ít nhất 01 mô hình được thực hiện nhân rộng trên địa bàn; phân công giao nhiệm vụ và kêu gọi sự trợ giúp từ doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân đối với hộ nghèo; tạo phong trào thi đua làm kinh tế giỏi, thoát nghèo vươn lên khá giả trong cộng đồng dân cư.

- Xây dựng và nhân rộng điển hình làm kinh tế giỏi, các mô hình kinh tế có hiệu quả phù hợp với từng địa bàn. Tuyên truyền vận động nhân dân tích cực áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tham gia các chương trình phát triển kinh tế của huyện, đặc biệt chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng thương hiệu sản phẩm ocop...

- Tăng cường phổ biến, tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về lao động - việc làm trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp tốt giữa các cơ quan quản lý Nhà nước với các tổ chức đoàn thể trong việc giao vốn vay hỗ trợ tạo việc làm; chỉ đạo việc ưu tiên cho vay đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh tạo nhiều việc làm; giám sát tốt các dự án vay vốn tạo việc làm theo đúng mục đích, hiệu quả của chương trình.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông nhằm phổ biến các chính sách hỗ trợ học nghề và tạo việc làm, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động đến đông đảo quần chúng nhân dân và người lao động. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ phụ trách thuộc Ủy ban nhân dân huyện, và cán bộ thuộc các xã, thị trấn nhằm nâng cao năng lực triển khai thực hiện ở cấp cơ sở.

## **7.3. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của hộ nghèo**

- Các hộ nghèo cần phải sử dụng nguồn vốn vay từ các chương trình tín dụng đúng mục đích như trong hồ sơ vay vốn đã được duyệt. Giúp cho hộ nghèo sử dụng vốn một cách hiệu quả trong sản xuất kinh doanh đã được lên kế hoạch trước đó. Hộ vay vốn cần nâng cao ý thức trách nhiệm trong vấn đề thánh toán các khoản vay, không có động cơ lệch lạc, trả nợ đúng kỳ hạn. Làm được điều này, uy tín của hộ vay được nâng cao đối với các tổ chức tín dụng. Đây là cơ sở để hộ nghèo dễ dàng tiếp cận các khoản vay lớn hơn trong thời gian sau này.

- Hộ nghèo nên tham gia các chương trình tập huấn chuyên giao kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau để cùng nhau sản xuất có hiệu quả. Nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả đến các hộ có đủ điều kiện tham gia để góp phần cải thiện thu nhập của nông hộ. Bản thân hộ nghèo nên học hỏi kinh nghiệm làm ăn, học tập để tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn

## **7.4. Công tác giải quyết việc làm cần đáp ứng lĩnh vực xã hội có nhu cầu**

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư; hỗ trợ sản xuất, cần tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các nguồn vốn vay, gắn với việc hướng dẫn về kỹ thuật, ứng dụng công nghệ vào sản xuất.

- Chú trọng khâu tổ chức quy hoạch ngành nghề đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thường xuyên khảo sát thị trường lao động, xây dựng cơ chế phối hợp giữa trường và doanh nghiệp,... góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo của trường và giải góp phần vào giải quyết việc làm cho người lao động.

- Thực hiện tốt việc phân luồng học sinh học nghề, đào tạo nghề gắn với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của huyện Ngọc Hiển; Tăng cường điều tra, khảo sát thực hiện đào tạo nghề cung ứng lao động cho các khu nghiệp ở tỉnh; thực hiện đào tạo nghề gắn với xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề phục vụ xuất khẩu lao động,...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền thông nhằm phổ biến các chính sách hỗ trợ học nghề và tạo việc làm, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động đến đông đảo quần chúng nhân dân và người lao động. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho các cán bộ phụ trách thuộc Ủy ban nhân dân huyện, và cán bộ thuộc các xã, thị trấn nhằm nâng cao năng lực triển khai thực hiện ở cấp cơ sở.

- Mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, đẩy mạnh quan hệ với các đối tác mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, nhất là thị trường có thu nhập cao, an toàn cho người lao động; đổi mới công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện lao động trước khi đưa đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ vốn, dạy nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Theo dõi chặt chẽ tình hình lao động làm việc ở nước ngoài; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người lao động khi làm việc ở nước ngoài đi đôi với việc theo dõi, hỗ trợ và phát huy lực lượng lao động này khi về nước.

### Tài liệu tham khảo

- [1] N.Q. Dũng, “Tác động của thể chế đến nghèo đa chiều Việt Nam”, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021.
- [2] L.T.N. Yên, “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự nghèo khó ở nông thôn Việt Nam”, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Cần Thơ, 2014.
- [3] Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển, Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 của

Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, 2021.

- [4] V.T.T. Lộc, “Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu”, Cần Thơ: Nxb Đại học Cần Thơ, 2010.
- [5] P.T. Huân, “Kinh tế phát triển”, Hà Nội: Nxb Thống kê, 2006.
- [6] H.V.Phấn, “Nghiên cứu giải pháp xóa đói giảm nghèo vững chắc trên địa bàn chương trình 135”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Ủy ban dân tộc, 2005.
- [7] World Bank, “Báo cáo phát triển Việt Nam 2019”, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, 2020.
- [8] N.T. Hoài, “Nghiên cứu ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến nghèo đói và đề xuất giải pháp xóa đói giảm nghèo ở Đông Nam Bộ”, Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Bộ, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
- [9] N.Q. Dũng, “Tác động của thể chế đến nghèo đa chiều Việt Nam”, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021.
- [10] Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 15/6/2017 về việc thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, 2017.
- [11] Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 11/02/2020 của UBND về việc thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2020 tỉnh Cà Mau, 2020.
- [12] Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển, Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 12/4/2017 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Ngọc Hiển giai đoạn 2017-2020, 2017.
- [13] Chính phủ, Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, 2009.

**Ngày nhận bài: 28/12/2023**

**Ngày hoàn thành sửa bài: 26/3/2023**

**Ngày chấp nhận đăng: 28/3/2023**